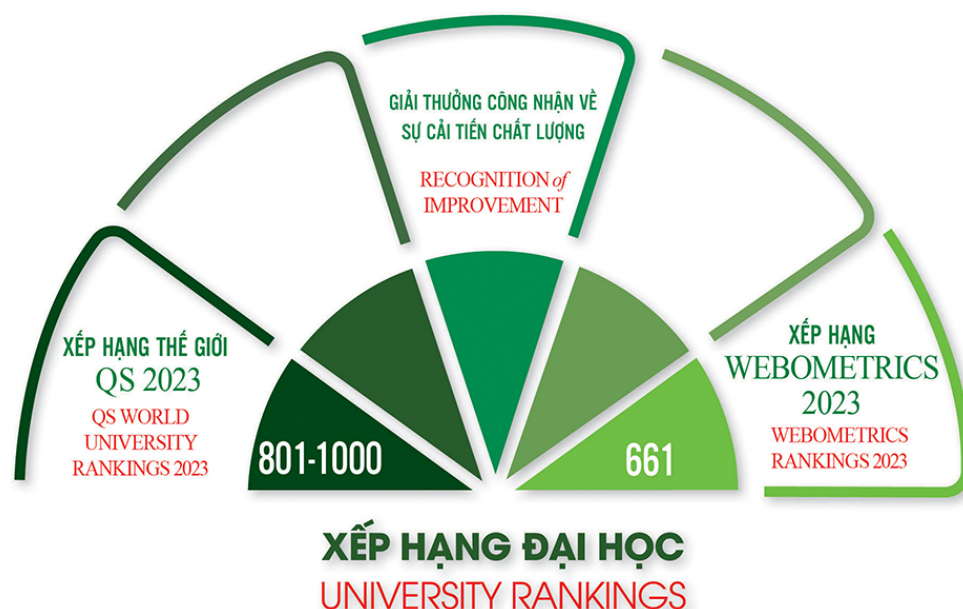


ĐHQGHN tăng 97 bậc, ở vị trí 661 thế giới trong bảng xếp hạng Webometrics tháng 1 năm 2023



Webometrics là bảng xếp hạng đánh giá năng lực chuyển đổi số và sự xuất sắc về công bố quốc tế trên hệ thống Scopus và Google Scholar của các cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Các tiêu chí xếp hạng gồm:

- Chỉ số Impact (Mức độ ảnh hưởng) có trọng số 50%, đo lường mức độ lan toả của website và nguồn tài nguyên số của cơ sở giáo dục đại học.
- Chỉ số Excellence (Sự xuất sắc) có trọng số 40%, đo lường trong 10% số bài báo được trích dẫn nhiều nhất trong 27 lĩnh vực xuất bản của Scopus.
- Chỉ số Openness (Độ mở học thuật) có trọng số 10%, đo lường số trích dẫn của 310 tác giả hàng đầu của các cơ sở giáo dục đại học trên hệ thống Google Scholar.

Dưới đây là xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam đợt tháng 1 năm 2023:

Vietnam

ranking	World Rank ▲	University	Det.	Impact Rank*	Openness Rank*	Excellence Rank*
1	661	Vietnam National University Hanoi / Đại học Quốc gia Hà Nội		431	1165	1035
2	1002	Ton Duc Thang University / Đại học Tôn Đức Thắng Thành phố Hồ Chí Minh		5618	2210	259
3	1081	Duy Tan University / Đại học Duy Tân DTU		5668	1739	393
4	1128	Nguyen Tat Thanh University / Đại học Nguyễn Tất Thành NTU		894	2916	1474
5	1255	Hanoi University of Science and Technology / Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội		1682	1405	1588
6	1545	VNUHCM University of Technology / Trường Đại học Bách khoa		4042	1816	1298
7	1741	University of Economics Ho Chi Minh City / Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh		2617	2526	1947
8	1918	Ho Chi Minh City University of Industry / Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh		2828	2318	2287
9	2104	University of Danang / Đại học Đà Nẵng		3729	1754	2524
10	2135	Can Tho University / Đại học Cần Thơ		4050	2115	2372
11	2739	Vietnam National University Ho Chi Minh City / Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh		6300	6547	1164
12	2776	Ho Chi Minh City University of Technology and Education / Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		6194	2598	2769
13	2893	Hue University / Đại học Huế		4340	2045	3691
14	2927	Hanoi University of Mining and Geology / Trường Đại học Mở Địa chất		5969	3554	2843
15	3140	National Economics University / Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		5153	2854	3679

Top 10 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng Webometrics tháng 1/2023

(Nguồn: <https://www.webometrics.info/en/Asia/Vietnam>)

Trong kỳ xếp hạng tháng 01/2023, ĐHQGHN tiếp tục gia tăng thứ hạng, tăng 97 bậc so với kì tháng 8/2022 – thuộc top 700 Thế giới, vị trí 137 châu Á và vị trí 11 Đông Nam Á.

South East Asia

ranking	World Rank ▲	University	Det.	Country	Impact Rank*	Openness Rank*	Excellence Rank*
1	46	National University of Singapore			119	60	22
2	86	Nanyang Technological University			304	95	36
3	289	University of Malaya			440	373	241
4	441	Chulalongkorn University			559	584	519
5	444	Universiti Teknologi Malaysia			980	413	358
6	464	Universiti Putra Malaysia			913	339	437
7	482	Chiang Mai University			263	925	806
8	515	Universiti Sains Malaysia			1099	419	456
9	517	Mahidol University			518	777	653
10	577	Universitas Indonesia			299	686	1114
11	661	Vietnam National University Hanoi / Đại học Quốc gia Hà Nội			431	1165	1035
12	678	Universitas Gadjah Mada			335	710	1373
13	706	Khon Kaen University			475	1114	1158
14	717	Universiti Kebangsaan Malaysia / National University of Malaysia			1447	2700	425
15	751	Kasetsart University			430	1275	1294

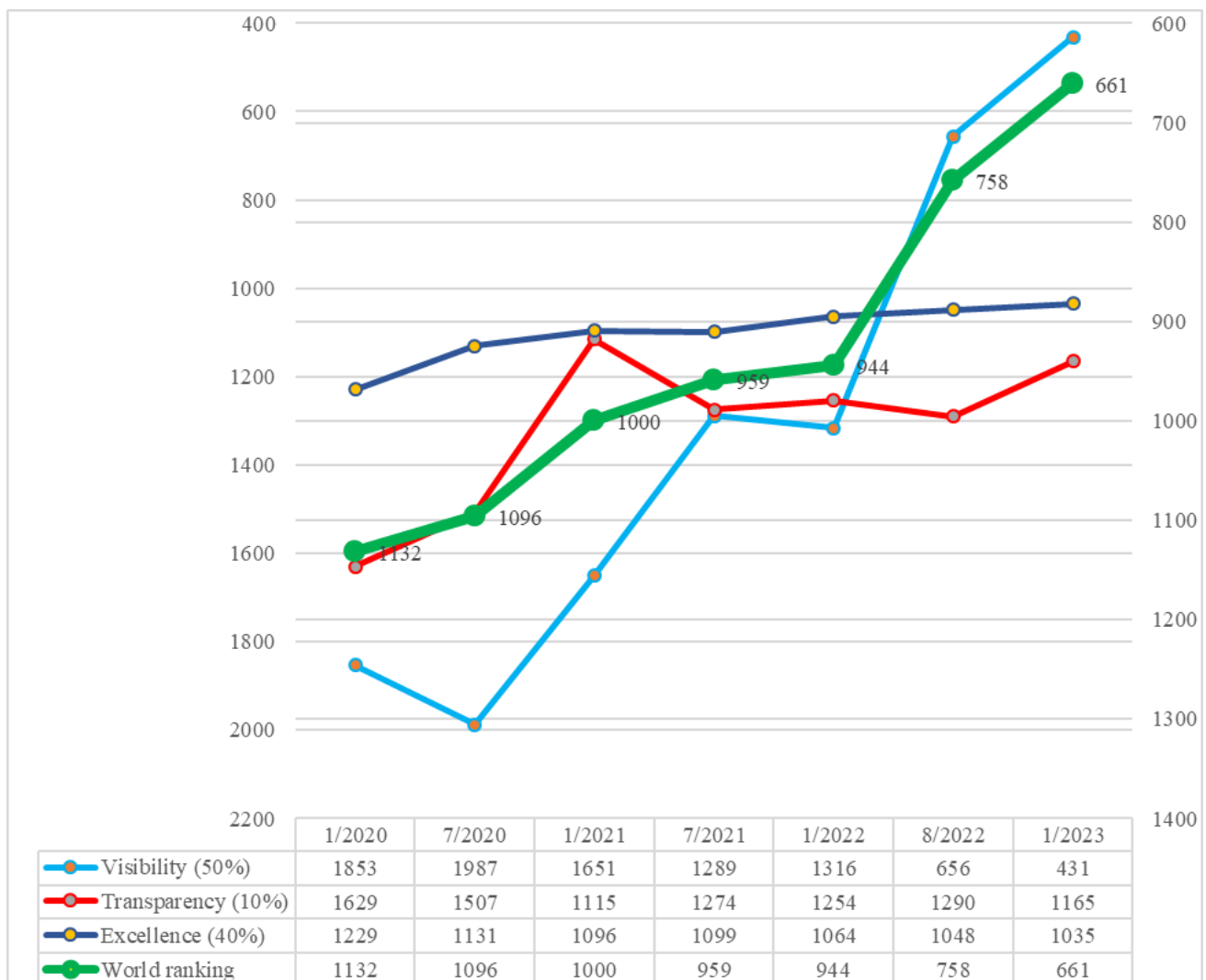
Vị trí xếp hạng của ĐHQGHN trên BXH Webometrics tháng 1/2023 trong khu vực Đông Nam Á

(Nguồn: https://www.webometrics.info/en/Asia_Pacifico/South%20East%20Asia)

Trong kỳ xếp hạng này, Webometrics vẫn duy trì phương pháp xếp hạng như ở kỳ tháng 08/2022. Cụ thể, tiêu chí **Visibility** (Mức độ ảnh hưởng) có trọng số cao nhất (50%), tiếp theo là tiêu chí **Excellence** (Sự xuất sắc) có trọng số 40% và tiêu chí **Transperency** (Độ mở học thuật) có trọng số 10%. Tuy nhiên, trong kì xếp hạng này, tiêu chí **Transperency** đo lường số trích dẫn của 310 tác giả hàng đầu của các cơ sở giáo dục đại học trên hệ thống Google Scholar thay vì 210 tác giả hàng đầu như các kỳ xếp hạng trước.

INDICATORS	MEANING	METHODOLOGY	SOURCE	WEIGHT
PRESENCE		This indicator has been discontinued		
VISIBILITY	Web contents Impact	Number of external networks (subnets) linking to the institution's webpages (normalized and then the average value is chosen)	<i>Ahrefs</i> <i>Majestic</i>	50%
TRANSPARENCY (or OPENNESS)	Top cited researchers	Number of citations from Top 310 authors (EXCLUDING THE FIRST 30) See Transparent Ranking for additional info, specially the reasons for exclusion	<i>Google Scholar Profiles</i>	10%
EXCELLENCE (or SCHOLAR)	Top cited papers	Number of papers amongst the top 10% most cited in each one of the all 27 disciplines of the full database Data for the five year period: 2017-2021	<i>Scimago</i>	40%

Tại kỳ xếp hạng này, sự gia tăng vượt bậc của tiêu chí **Visibility** (*Mức độ ảnh hưởng*) – từ xếp hạng 656 ở tháng 08/2022 lên hạng 431 ở tháng 01/2023 – đã có thấy sự gia tăng trong phạm vi ảnh hưởng của hệ thống tài nguyên số trực tuyến và website ĐHQGHN không chỉ đối với cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế mà còn đang tác động mạnh tới toàn xã hội.



Vị trí xếp hạng và kết quả xếp hạng tiêu chí của ĐHQGHN trong bảng xếp hạng Webometrics giai đoạn 2020-2023

Năm 2022, ĐHQGHN đã giành được giải thưởng công nhận về sự cải tiến chất lượng (Recognition of Improvement) của tổ chức xếp hạng đại học thế giới QS do có sự cải thiện đáng kể trong kết quả xếp hạng dựa trên sự cải thiện về thứ hạng trung bình. Đây là lần đầu tiên một cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam nhận được giải thưởng này.

Về kết quả xếp hạng trong năm 2022, QS đã công bố kết quả của bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học thế giới – QS World University Rankings 2023 – QS WUR 2023. Trong đó, ĐHQGHN có năm thứ 5 liên tiếp được xếp hạng trong nhóm 1.000 các cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới theo tiêu chí của QS WUR. Đối với các tiêu chí xếp hạng của QS WUR 2023, ĐHQGHN tiếp tục thể hiện uy tín ở tiêu chí học thuật và tuyển dụng. Cũng theo QS, ĐHQGHN ở vị trí 162 châu Á, thuộc nhóm 21,3% các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á, ở vị trí 36 khu vực Đông Nam Á. Trong 6 lĩnh vực được QS xếp hạng trong QS WUR BY SUBJECT 2022 (gồm: Khoa học máy tính & Hệ thống thông tin ở nhóm 501-550, Cơ kỹ thuật, Hàng không & Chế tạo ở nhóm 451-500, Toán học ở nhóm 351-400, Vật lý & Thiên văn học ở nhóm 451-500, Kinh doanh & Khoa học quản lý ở nhóm 451-500 và Kỹ thuật điện & Điện tử ở nhóm 451-500), ĐHQGHN có tới 5 lĩnh vực thuộc nhóm 500 thế giới. Lĩnh vực Toán học, Vật lý & Thiên văn học và Kinh doanh & Khoa học quản lý đều được xếp hạng số 1 tại Việt Nam. Lĩnh vực Kỹ thuật điện & Điện tử lần đầu tiên có mặt trong bảng xếp hạng QS.

Theo kết quả của Times Higher Education (THE), ĐHQGHN tiếp tục duy trì 4 lĩnh vực đã được xếp hạng trong kỳ xếp hạng trước gồm: Khoa học máy tính, Khoa học xã hội (cùng thuộc nhóm 601-800); Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên (cùng thuộc nhóm 801-1000). Tại kỳ xếp hạng 2022, ĐHQGHN có thêm 2 lĩnh vực mới được xếp hạng là Kinh doanh & Kinh tế và Khoa học sự sống (cùng thuộc nhóm 501-600).

Mới đây nhất, Tạp chí U.S News & World Report của Hoa Kỳ vừa công bố kết quả bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đào tạo đại học tốt nhất toàn cầu – Best Global Universities. Theo đó, ĐHQGHN có thứ hạng 970 thế giới và 258 châu Á. Đặc biệt, trong 13 tiêu chí xếp hạng của U.S News & World Report, tiêu chí tổng số ấn phẩm của ĐHQGHN có sự gia tăng đáng kể về thứ hạng, tăng 59 bậc so với kì 2022. Cũng trong kỳ xếp hạng này, lĩnh vực Kỹ thuật (Engineering) của ĐHQGHN Lần đầu tiên được xếp hạng với thứ hạng 636, lĩnh vực Vật lý tiếp tục được xếp hạng ở vị trí 664 thế giới.